

Sao kê chi tiết từ **21/04/2016** đến **21/04/2016**

From date To date

Mã khách hàng :**99999881** Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : **VND**

Currency

Tên tài khoản : **TRUONG DHL HN-TK CHUYEN THU-VND**

Account Name

Số tài khoản : **999998819998** Số cũ: 41201200034697049999

Account Number

Tên khách hàng : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI**

Customer Name

Địa chỉ : **SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI**

Address

Ngày in : **22/04/2016**

Printing date

| Ngày giao dịch<br><i>Txn. date</i> | Ngày hiệu lực<br><i>Value date</i> | Nội dung giao dịch<br><i>Description</i>                                                | Số giao dịch<br><i>Txn. No</i> | Ghi nợ<br><i>Debit</i> | Ghi có<br><i>Credit</i> | Số dư<br><i>Balance</i> |
|------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Số dư đầu kỳ<br>Opening Balance    |                                    |                                                                                         |                                | 4,138,691,469.00       |                         |                         |
| 21/04/2016                         | 21/04/2016                         | TRINH HUYEN LINH MSV<br>382106 NOP HOC PHI KY II<br>NAM HOC 2015-2016                   | 230NT02161120001               |                        | 3,240,000.00            | 4,141,931,469.00        |
| 21/04/2016                         | 21/04/2016                         | TEN SINH VIEN: NGUYEN VAN<br>DUC, MSSV: 371555                                          | 121NT01161120002               |                        | 1,260,000.00            | 4,143,191,469.00        |
| 21/04/2016                         | 21/04/2016                         | NGUYEN THI THU TRANG<br>MSSV: 391846                                                    | 121NT01161120003               |                        | 3,240,000.00            | 4,146,431,469.00        |
| 21/04/2016                         | 21/04/2016                         | NOP HOC PHI HOC KY II NAM<br>HOC 2015-2016 DO THI THU<br>THAO MSSV: 372059              | 122NT01161120001               |                        | 1,260,000.00            | 4,147,691,469.00        |
| 21/04/2016                         | 21/04/2016                         | NGUYEN THI HUONG MSSV<br>371453 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                        | 103NT01161120003               |                        | 900,000.00              | 4,148,591,469.00        |
| 21/04/2016                         | 21/04/2016                         | NGUYEN THI THOA MSSV<br>381439 LOP 3814 K38 NT HOC<br>PHI KY I NAM 2016-2017            | 124NT01161120001               |                        | 3,420,000.00            | 4,152,011,469.00        |
| 21/04/2016                         | 21/04/2016                         | NGUYEN THI LINH<br>MSSV:381429 LOP 3814 KHOA<br>38 NT HOC PHI KY I NAM HOC<br>2016-2017 | 124NT01161120002               |                        | 3,420,000.00            | 4,155,431,469.00        |
| 21/04/2016                         | 21/04/2016                         | DANG HAI YEN MSSV:371249<br>LOP 3712 NT HOC PHI KY II<br>NAM HOC 2015-2016              | 124NT01161120003               |                        | 1,800,000.00            | 4,157,231,469.00        |
| 21/04/2016                         | 21/04/2016                         | VU THI NHU MSV 381236 NOP<br>HOC PHI KI II (2015-2016)                                  | 103NT01161120004               |                        | 3,420,000.00            | 4,160,651,469.00        |
| 21/04/2016                         | 21/04/2016                         | LE THUY TRANG MSSV<br>391012 NOP HOC PHI HOC KY<br>II (2015-2016)                       | 103NT01161120005               |                        | 3,420,000.00            | 4,164,071,469.00        |
| 21/04/2016                         | 21/04/2016                         | TRAN VAN CONG - MSSV<br>391032 NOP HOC PHI KI II<br>(2015-2016)                         | 103NT01161120006               |                        | 3,600,000.00            | 4,167,671,469.00        |
| 21/04/2016                         | 21/04/2016                         | NGUYEN HOAI VIET MSSV<br>380102 NOP HOC PHI KI II<br>(2015-2016)                        | 103NT01161120007               |                        | 2,340,000.00            | 4,170,011,469.00        |
| 21/04/2016                         | 21/04/2016                         | TRAN HAI NINH MSSV 380235<br>NOP HOC PHI KY II (2015-2016)                              | 103NT01161120008               |                        | 3,600,000.00            | 4,173,611,469.00        |
| 21/04/2016                         | 21/04/2016                         | NGUYEN THI LAN<br>MSSV:370369 NOP TIEN HOC<br>PHI                                       | 101NT01161120003               |                        | 1,620,000.00            | 4,175,231,469.00        |

|            |            |                                                                                                              |                  |  |              |                  |
|------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|--------------|------------------|
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN MAI TRANG MSSV<br>371174 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                                             | 103NT01161120009 |  | 2,160,000.00 | 4,177,391,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI NGOC MSSV<br>390407 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                                              | 103NT01161120010 |  | 3,960,000.00 | 4,181,351,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI HIEN MSSV<br>372626 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                                              | 103NT01161120011 |  | 1,800,000.00 | 4,183,151,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU THI THUY NINH MSSV<br>372647 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                                             | 103NT01161120012 |  | 1,800,000.00 | 4,184,951,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NOP TIEN HOC PHI KI II<br>(2015-2016) LE THI CUC MSSV<br>390346                                              | 103NT01161120013 |  | 3,060,000.00 | 4,188,011,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM VAN HOANG MSSV<br>380120 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                                               | 103NT01161120014 |  | 3,420,000.00 | 4,191,431,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | O THI THUY TRANG<br>MSSV:391133 LOP 3911 KHOA<br>39 NOP HOC PHI KI 2 NAM<br>2015-2016                        | 261NT02161120001 |  | 3,420,000.00 | 4,194,851,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN XUAN HOA MSV:370622<br>NT HOC PHI KHOA 37                                                               | 002NT01161120003 |  | 1,080,000.00 | 4,195,931,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THUY NOP TIEN<br>HOC PHI KY 2 NAM HOC<br>2015-2016 CHO SINH VIEN<br>NGUYEN HAI ANH MSV:<br>392921 | 290NT02161120003 |  | 3,060,000.00 | 4,198,991,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DAO THI THUY MSSV: 390446<br>NTHP                                                                            | 120NT01161120001 |  | 2,520,000.00 | 4,201,511,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DO THI ANH PHUONG MSSV:<br>380948                                                                            | 120NT01161120002 |  | 3,600,000.00 | 4,205,111,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DO THI THOM MSSV: 370863                                                                                     | 120NT01161120003 |  | 1,800,000.00 | 4,206,911,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN PHUONG THAO<br>MSSV: 372809                                                                           | 120NT01161120004 |  | 1,800,000.00 | 4,208,711,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DUONG HONG PHUONG MSSV:<br>390841 NTHP                                                                       | 120NT01161120005 |  | 2,520,000.00 | 4,211,231,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HO THANH PHONG MSSV:<br>381558                                                                               | 120NT01161120006 |  | 3,420,000.00 | 4,214,651,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VI THI PHUONG MAI MSSV:<br>380918 NTHP                                                                       | 120NT01161120007 |  | 3,600,000.00 | 4,218,251,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHUNG THU THUY MSSV:<br>391224 NHP                                                                           | 120NT01161120008 |  | 3,240,000.00 | 4,221,491,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THAO MSSV:<br>391222 NTHP                                                                         | 120NT01161120009 |  | 2,880,000.00 | 4,224,371,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THU HUONG MSSV<br>380337 NOP HOC PHI KY II<br>(NAM HOC 2015-2016)                                     | 103NT01161120015 |  | 3,330,000.00 | 4,227,701,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DO THI MY DUYEN MSSV<br>390338 NOP HOC PHI HOC KY<br>II (2015-2016)                                          | 103NT01161120016 |  | 3,060,000.00 | 4,230,761,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DANG TO UYEN MSSV:<br>381324 NTHP                                                                            | 120NT01161120010 |  | 3,600,000.00 | 4,234,361,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM VAN DUNG MSSV:<br>370859 NTHP                                                                           | 120NT01161120011 |  | 1,800,000.00 | 4,236,161,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DINH THI NHU THU<br>MSSV:381352                                                                              | 120NT01161120012 |  | 3,960,000.00 | 4,240,121,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THAO LY MSSV<br>371250 NOP HOC PHI KY II<br>NAM 4                                                     | 103NT01161120018 |  | 1,440,000.00 | 4,241,561,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DOAN HONG LINH MSSV:<br>392935 NTHP                                                                          | 120NT01161120013 |  | 3,060,000.00 | 4,244,621,469.00 |

|            |            |                                                                                                                                 |                  |  |              |                  |
|------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|--------------|------------------|
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VI THI NGA MSSV: 380268<br>NTHP                                                                                                 | 120NT01161120014 |  | 3,060,000.00 | 4,247,681,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN THI NHUNG MSSV:<br>380241 NTHP                                                                                             | 120NT01161120015 |  | 3,600,000.00 | 4,251,281,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE VAN THANG MSSV: 381159<br>NTHP                                                                                               | 120NT01161120016 |  | 2,700,000.00 | 4,253,981,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NOP HOC PHI CHO SV<br>NGUYEN THI NGOC GIANG<br>MSSV 390620~NC:PHUNG THI<br>HONG - Nguoi chuyen: PHUNG<br>THI HONG               | 001CTD1161120059 |  | 3,240,000.00 | 4,257,221,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NOP HOC PHI : DO THANH HA<br>MSSV: 370241 KHOA 37 LOP<br>3702~NC:DO THANH HA -<br>Nguoi chuyen: DO THANH HA                     | 001CTD1161120096 |  | 1,080,000.00 | 4,258,301,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG CHI DUNG 371139 NOP<br>TIEN HOC PHI KI II                                                                                 | 230NT02161120002 |  | 2,700,000.00 | 4,261,001,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN HUONG GIANG MSV<br>392933 NT                                                                                               | 120NT01161120017 |  | 3,060,000.00 | 4,264,061,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAN THI THU HUE - MSSV<br>392416 NOP HOC PHI KI II<br>(2015-2016)                                                              | 103NT01161120019 |  | 2,160,000.00 | 4,266,221,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | BACH DUY KHANH MSV<br>380735 NT                                                                                                 | 120NT01161120018 |  | 900,000.00   | 4,267,121,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HA XUAN SON MSV 380865 NT                                                                                                       | 120NT01161120019 |  | 4,140,000.00 | 4,271,261,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HA THI THAO MSV 382405                                                                                                          | 120NT01161120020 |  | 2,700,000.00 | 4,273,961,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | KHUAT THI HANH MSV 382413<br>NT                                                                                                 | 120NT01161120021 |  | 2,700,000.00 | 4,276,661,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG THUY TIEN MSV<br>382769 NT                                                                                                | 120NT01161120022 |  | 6,450,000.00 | 4,283,111,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | BUI THI THUY MSV 380862 NT                                                                                                      | 120NT01161120023 |  | 3,600,000.00 | 4,286,711,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI DUONG MSSV:<br>392413 LOP 24 KHOA 39 NOP<br>TIEN HOC PHI HOC KI II NAM<br>HOC 2015-2016 CHO TRUONG<br>DH LUAT HA NOI | 101NT01161120004 |  | 2,880,000.00 | 4,289,591,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN HONG NGOC MSV<br>380864 NT                                                                                               | 120NT01161120024 |  | 3,600,000.00 | 4,293,191,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | BUI XUAN QUAN MSV 380856<br>NT                                                                                                  | 120NT01161120025 |  | 3,060,000.00 | 4,296,251,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHI VAN LONG MSV 380642<br>NT                                                                                                   | 120NT01161120026 |  | 3,960,000.00 | 4,300,211,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | QUACH VAN TOAN MSV<br>381565 NT                                                                                                 | 120NT01161120027 |  | 3,960,000.00 | 4,304,171,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU MAI QUYNH MSV 372714                                                                                                         | 120NT01161120028 |  | 1,800,000.00 | 4,305,971,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRIEU TU LINH MSV 382401 NT                                                                                                     | 120NT01161120029 |  | 2,700,000.00 | 4,308,671,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DANG THI THU HUONG MSV<br>371265 NT                                                                                             | 120NT01161120030 |  | 1,260,000.00 | 4,309,931,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NONG AI QUOC MSV 391502<br>NT                                                                                                   | 120NT01161120031 |  | 3,240,000.00 | 4,313,171,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | CAN XUAN QUYET MSV<br>382308 NT                                                                                                 | 120NT01161120033 |  | 2,700,000.00 | 4,315,871,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN THI HIEN MSV 382808 NT                                                                                                     | 120NT01161120034 |  | 2,700,000.00 | 4,318,571,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI HAI MSV 381608<br>NT                                                                                                 | 120NT01161120035 |  | 3,420,000.00 | 4,321,991,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THUY LINH MSV<br>382542 NT                                                                                           | 120NT01161120036 |  | 7,740,000.00 | 4,329,731,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | CHU THI LINH MSV 381607 NT                                                                                                      | 120NT01161120037 |  | 3,600,000.00 | 4,333,331,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN THI VAN ANH MSV<br>382619 NT                                                                                               | 120NT01161120038 |  | 3,420,000.00 | 4,336,751,469.00 |

|            |            |                                                                                                                 |                  |  |              |                  |
|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|--------------|------------------|
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DINH THI KHANH HUYEN MA<br>SV 370409 NOP TIEN HOC<br>PHI~NC:DOAN NGOC MINH -<br>Nguoi chuyen: DOAN NGOC<br>MINH | 001CTD1161120151 |  | 3,780,000.00 | 4,340,531,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM THI HONG NHUNG MSSV<br>380568 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                                             | 103NT01161120020 |  | 2,340,000.00 | 4,342,871,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGO NGOC DINH DINH MSSV<br>372718 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                                              | 103NT01161120021 |  | 1,800,000.00 | 4,344,671,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN KIM OANH MSSV:<br>381145 NTHP                                                                            | 120NT01161120039 |  | 3,420,000.00 | 4,348,091,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THANH NGUYET<br>MSSV: 381171 NTHP                                                                        | 120NT01161120040 |  | 3,420,000.00 | 4,351,511,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN NGOC HA MSV: 372432<br>NTHP                                                                                | 120NT01161120041 |  | 2,340,000.00 | 4,353,851,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DO THE VIET - MSSV 371664<br>NOP HOC PHI HOC KY II<br>(2015-2016)                                               | 103NT01161120022 |  | 1,800,000.00 | 4,355,651,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HO TEN SV LE THANH HUYEN<br>LOP 3722 MSSV 372229 NOP<br>HOC PHI KI II NAM HOC<br>2015-2016                      | 105NT01161120005 |  | 3,060,000.00 | 4,358,711,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG THI TUYEN MSV<br>381249 NT                                                                                | 120NT01161120042 |  | 3,515,000.00 | 4,362,226,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI TRANG MSV<br>371764 NT                                                                               | 120NT01161120043 |  | 1,800,000.00 | 4,364,026,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGO VIET ANH MSV 382344<br>NT                                                                                   | 120NT01161120044 |  | 2,700,000.00 | 4,366,726,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU HONG HAI MSV 372661 NT                                                                                       | 120NT01161120045 |  | 1,800,000.00 | 4,368,526,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGO THI KHANH<br>HOA-MSV381254-KHOA38<br>LOP12 NOP HOC PHI KY 2 NAM<br>2016                                     | 430NT02161120001 |  | 3,600,000.00 | 4,372,126,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRUONG THI UYEN MSV<br>391220 NT                                                                                | 120NT01161120046 |  | 3,420,000.00 | 4,375,546,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LUONG THI HIEN MSV 382418<br>NT                                                                                 | 120NT01161120047 |  | 2,700,000.00 | 4,378,246,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN THI HOA MSV 382419 NT                                                                                      | 120NT01161120048 |  | 2,700,000.00 | 4,380,946,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THANH HANG<br>NOP HOC PHI 19 TIN<br>CHI:3.420.000 VND, MSSV:<br>390442                               | 102NT01161120004 |  | 3,420,000.00 | 4,384,366,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THANH DUNG<br>MSV 370664 NT                                                                          | 120NT01161120050 |  | 1,260,000.00 | 4,385,626,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG THI OANH MSV<br>391441                                                                                    | 120NT01161120051 |  | 2,520,000.00 | 4,388,146,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THAO VAN MSV<br>370237 NT                                                                                | 120NT01161120052 |  | 1,800,000.00 | 4,389,946,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG PHUONG THAO MSV<br>381230 NT                                                                              | 120NT01161120053 |  | 3,600,000.00 | 4,393,546,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM THI VAN ANH MSV<br>381215 NT                                                                               | 120NT01161120054 |  | 3,600,000.00 | 4,397,146,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM HONG HANH MSV<br>381218 NT                                                                                 | 120NT01161120055 |  | 3,600,000.00 | 4,400,746,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRIEU MINH TRANG MSV<br>381317 NT                                                                               | 120NT01161120056 |  | 3,600,000.00 | 4,404,346,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU PHUONG TRA MSV 380716<br>NT                                                                                  | 120NT01161120057 |  | 3,600,000.00 | 4,407,946,469.00 |
|            |            |                                                                                                                 |                  |  |              |                  |

|            |            |                                                                                                  |                  |  |              |                  |
|------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|--------------|------------------|
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NOP HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016 NGUYEN THI NHAN MSSV: 381101                             | 121NT01161120005 |  | 3,420,000.00 | 4,411,366,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HO VA TEN: TRUONG TUAN NGOC, MSSV: 391160                                                        | 121NT01161120006 |  | 3,240,000.00 | 4,414,606,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THUY NHUNG MSV 370838 NT                                                                  | 120NT01161120058 |  | 900,000.00   | 4,415,506,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TC:VNCN31783.Doan viet my; 393199~NC:NGUYEN VAN THUAN - Nguoi chuyen: NGUYEN VAN THUAN           | 001CTD1161120200 |  | 3,240,000.00 | 4,418,746,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN PHUONG THAO MSV 370536 NT                                                                 | 120NT01161120059 |  | 1,260,000.00 | 4,420,006,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM THU THUY MSSV 391071 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)                                          | 103NT01161120024 |  | 2,800,000.00 | 4,422,806,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI LIEN –MSSV: 372125 LOP: 3721 KHOA: 37 NOP HOC PHI KY 2 NAM 2015-2016                  | 320NT02161120002 |  | 1,800,000.00 | 4,424,606,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN HONG HUE MSSV 372350 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)                                        | 103NT01161120025 |  | 1,800,000.00 | 4,426,406,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI DUNG MSSV 380501 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)                                        | 103NT01161120026 |  | 3,420,000.00 | 4,429,826,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM THI DIU MSSV 380509 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)                                           | 103NT01161120027 |  | 3,060,000.00 | 4,432,886,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TA THU TRANG MSSV 381119 NOP HP KY 2 NH 2015-2016                                                | 121NT01161120007 |  | 3,420,000.00 | 4,436,306,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DANG THI MY MSSV 391961 NOP HP KY 2 NH 2015-2016                                                 | 121NT01161120008 |  | 3,600,000.00 | 4,439,906,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016 SV NONG THI HUONG QUYNH MSSV: 391103 LOP 11 KHOA 39 | 101NT01161120005 |  | 3,420,000.00 | 4,443,326,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM THI YEN NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016 LOP 3911 MSSV: 391135                  | 101NT01161120006 |  | 2,520,000.00 | 4,445,846,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI LAN HUONG MSSV 381548 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)                                   | 103NT01161120028 |  | 3,060,000.00 | 4,448,906,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE TUAN DUNG MSSV 391818 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)                                           | 103NT01161120029 |  | 2,880,000.00 | 4,451,786,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN HUU QUANG ANH MSSV 391863 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)                                   | 103NT01161120030 |  | 2,880,000.00 | 4,454,666,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN TRAN DIEU LINH MSSV 381559 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)                                  | 103NT01161120031 |  | 2,700,000.00 | 4,457,366,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG THI PHUONG LINH MSSV 381540 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)                                  | 103NT01161120032 |  | 3,240,000.00 | 4,460,606,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE THI HONG MSSV 371956 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)                                            | 103NT01161120033 |  | 3,600,000.00 | 4,464,206,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | THAI THUY LINH MSSV 371218 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)                                         | 103NT01161120034 |  | 2,520,000.00 | 4,466,726,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM HUYEN TRANG MSSV 371237 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)                                       | 103NT01161120035 |  | 2,160,000.00 | 4,468,886,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE THI MAI ANH MSSV 381937 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)                                         | 103NT01161120036 |  | 3,420,000.00 | 4,472,306,469.00 |

|            |            |                                                                                             |                  |  |              |                  |
|------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|--------------|------------------|
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DO QUANG ANH MSV 380266 NT                                                                  | 120NT01161120060 |  | 3,600,000.00 | 4,475,906,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | MAI THI NAM MSV 390224 NT                                                                   | 120NT01161120061 |  | 3,600,000.00 | 4,479,506,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | SA THI MY HANH MSV 380762 NT                                                                | 120NT01161120062 |  | 3,240,000.00 | 4,482,746,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VO THI TRA MY MSV 390746 NT                                                                 | 120NT01161120063 |  | 3,420,000.00 | 4,486,166,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DINH THI PHUONG THAO MSV 380418 NT                                                          | 120NT01161120064 |  | 3,420,000.00 | 4,489,586,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI BAO QUYEN MSV 390770 NT                                                          | 120NT01161120065 |  | 6,880,000.00 | 4,496,466,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI PHUONG THAO MSV 370235 NT                                                        | 120NT01161120066 |  | 1,440,000.00 | 4,497,906,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN PHUONG LINH MSV 381348 NT                                                              | 120NT01161120067 |  | 4,140,000.00 | 4,502,046,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LA THI THOI MSV 382313 H5                                                                   | 120NT01161120068 |  | 2,700,000.00 | 4,504,746,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | QUACH BINH NHI MSV 380812 NT                                                                | 120NT01161120069 |  | 3,600,000.00 | 4,508,346,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DUONG THI HONG DIEP MSV 370229 NT                                                           | 120NT01161120070 |  | 360,000.00   | 4,508,706,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN LAN HUONG MSSV 382140 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)                                    | 103NT01161120037 |  | 3,240,000.00 | 4,511,946,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TONG KHANH LINH MSSV: 381217 NTHP                                                           | 120NT01161120071 |  | 3,060,000.00 | 4,515,006,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | BUI THI THUY HANG MSV 381269 NT                                                             | 120NT01161120072 |  | 3,600,000.00 | 4,518,606,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHUNG VAN DUC NT HOC PHI CHO LE THI ANH HONG MA SINH VIEN :370623(HOC PHI KY II -2015-2016) | 111NT01161120001 |  | 1,080,000.00 | 4,519,686,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI HAI ANH MSV 391734 NT                                                            | 120NT01161120073 |  | 2,520,000.00 | 4,522,206,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | KHIEU NGOC SANG.MSSV: 390172. NOP TIEN HOC PHI                                              | 120NT01161120074 |  | 3,600,000.00 | 4,525,806,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG ANH DUC.MSSV:382768. NOP TIEN HOC PHI                                                 | 120NT01161120075 |  | 2,700,000.00 | 4,528,506,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI MY.MSSV: 381248                                                                  | 120NT01161120076 |  | 3,420,000.00 | 4,531,926,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LUONG THI PHUONG.MSSV: 371569                                                               | 120NT01161120077 |  | 2,880,000.00 | 4,534,806,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI HONG NHUNG.MSSV: 382428                                                          | 120NT01161120078 |  | 2,700,000.00 | 4,537,506,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM THI HONG NHUNG.MSSV:380233                                                             | 120NT01161120079 |  | 3,060,000.00 | 4,540,566,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | GIANG THI TANG.MSSV: 380707                                                                 | 120NT01161120080 |  | 3,420,000.00 | 4,543,986,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | BUI PHUONG QUY ANH.MSSV:381106                                                              | 120NT01161120081 |  | 3,600,000.00 | 4,547,586,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAN THI HONG LIEN.MSSV: 381651                                                             | 120NT01161120082 |  | 3,420,000.00 | 4,551,006,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THUY HANG.MSSV: 381649                                                               | 120NT01161120083 |  | 3,420,000.00 | 4,554,426,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THU HUONG.MSSV: 380309                                                               | 120NT01161120084 |  | 3,420,000.00 | 4,557,846,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN THI KHANH HA.MSSV: 382147                                                              | 120NT01161120085 |  | 3,240,000.00 | 4,561,086,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN VAN DUNG.MSSV: 391605                                                                  | 120NT01161120086 |  | 3,240,000.00 | 4,564,326,469.00 |

|            |            |                                                                                                                |                  |  |               |                  |
|------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|---------------|------------------|
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THUY ANH.MSSV: 391653                                                                               | 120NT01161120087 |  | 2,520,000.00  | 4,566,846,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN VAN LONG.MSSV: 391617                                                                                   | 120NT01161120088 |  | 3,600,000.00  | 4,570,446,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN DUC LONG.MSSV: 370617                                                                                   | 120NT01161120089 |  | 1,260,000.00  | 4,571,706,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU NGOC QUANG.MSSV: 392075                                                                                     | 120NT01161120090 |  | 2,880,000.00  | 4,574,586,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VANG THI PHUONG.MSSV: 380907                                                                                   | 120NT01161120091 |  | 3,420,000.00  | 4,578,006,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NOP TIEN HOC PHI KY II TRIEU THI KIM DUNG MSSV: 401061                                                         | 101NT01161120009 |  | 4,860,000.00  | 4,582,866,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TC:369700036.MAI NGOC HUYEN , MSV: 392149, KHOA 39 LOP 21~NC:MAI NGOC HUYEN - Nguoi chuyen: MAI NGOC HUYEN     | 001CTD1161120261 |  | 3,060,000.00  | 4,585,926,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TEN SV: TRINH THI THU PHUONG LOP 3912,MSSV 391244~NC:TRINH THI THU PHUONG - Nguoi chuyen: TRINH THI THU PHUONG | 001CTD1161120277 |  | 3,420,000.00  | 4,589,346,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | [102CT06161120001]DONG TIEN HOC CHO SV: NGO XUAN THINH K39~NC:PHUNG MINH THI - Nguoi chuyen: PHUNG MINH THI    | 001CTD1161120287 |  | 14,040,000.00 | 4,603,386,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NOP TIEN HOC PHI CHO SV LAM THI LUYEN MSSV 371706 LOP 3717 TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI                          | 112NT01161120005 |  | 1,260,000.00  | 4,604,646,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG THI PHUONG HOA MSV 381610 NT                                                                             | 120NT01161120092 |  | 3,240,000.00  | 4,607,886,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THU HANG MSV 380563 NT                                                                              | 120NT01161120093 |  | 3,420,000.00  | 4,611,306,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN PHUONG ANH MSV: 382559 LOP: 3825 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2016                                | 124NT01161120018 |  | 2,340,000.00  | 4,613,646,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGO THU HA MSV:382607 LOP: 3826 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2016                                        | 124NT01161120019 |  | 3,240,000.00  | 4,616,886,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HA VIET HANG- MSSV 392103 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)                                                        | 103NT01161120038 |  | 3,240,000.00  | 4,620,126,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NOP HOC PHI CHO SINH VIEN NGUYEN THI MAI, MSSV 370214                                                          | 121NT01161120009 |  | 1,440,000.00  | 4,621,566,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN PHUONG THAO MSSV: 391921                                                                                | 121NT01161120010 |  | 2,520,000.00  | 4,624,086,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI KHANH NHU NT HOC PHI KY II 2015-2016-LOP 3931-MA SV:393113                                          | 105NT01161120012 |  | 3,240,000.00  | 4,627,326,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | MSSV: 391810 LOP 3918 TRUONG DAI HOC LUAT HN HOANG THI XUYEN NOP HOC PHI KY II                                 | 101NT01161120010 |  | 3,420,000.00  | 4,630,746,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HO TEN SV: NGUYEN HOAI NAM NT HOC PHI HOC KY 2 NAM HOC 2015-2016 MSSV: 392031 LOP 3920 KHOA 39                 | 105NT01161120013 |  | 2,520,000.00  | 4,633,266,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NHU HONG QUANG MSSV: 381903 NTHP                                                                               | 120NT01161120097 |  | 540,000.00    | 4,633,806,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DO THI THUY MSV: 390937 NTHP                                                                                   | 120NT01161120098 |  | 2,880,000.00  | 4,636,686,469.00 |

|            |            |                                                                                                                                  |                  |  |               |                  |
|------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|---------------|------------------|
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | CAO MINH CONG MSSV: 391104 NTHP                                                                                                  | 120NT01161120099 |  | 3,600,000.00  | 4,640,286,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU TIEN DUY MSSV: 381360 NTHP                                                                                                    | 120NT01161120100 |  | 3,240,000.00  | 4,643,526,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | CAO THI HANG MSSV: 392055 NTHP                                                                                                   | 120NT01161120101 |  | 2,700,000.00  | 4,646,226,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN THI PHUONG MSSV: 391127                                                                                                     | 120NT01161120102 |  | 3,240,000.00  | 4,649,466,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DO THI LAN HUONG MSSV: 391353 NTHP                                                                                               | 120NT01161120103 |  | 3,420,000.00  | 4,652,886,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI HUYEN TRANG MSSV: 390738 NTHP                                                                                         | 120NT01161120104 |  | 2,880,000.00  | 4,655,766,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN QUYNH CHAU MSSV: 382219 NTHP                                                                                              | 120NT01161120105 |  | 3,240,000.00  | 4,659,006,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU DUC MINH NOP HOC PHI KY II 2015-2016 17 TIN MSSV; 380353                                                                      | 102NT01161120008 |  | 3,060,000.00  | 4,662,066,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HUA THI PHUONG MSV 371201 KHOA 37 DAI HOC LUAT NT HOC PHI KY 2/2015-2016                                                         | 123NT01161120004 |  | 1,260,000.00  | 4,663,326,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI MO NT HOC PHI MSSV: 371168                                                                                            | 102NT01161120009 |  | 1,260,000.00  | 4,664,586,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG THI MY HOA - MSSV 390709 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)                                                                     | 103NT01161120039 |  | 3,240,000.00  | 4,667,826,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NOP HOC PHI CHO SINH VIEN: NGUYEN LE HUONG HUYEN, MA SV: 392951; LOP: CLC39B~NC:LE VINH HUONG - Nguoi chuyen: LE VINH HUONG      | 001CTD1161120359 |  | 14,040,000.00 | 4,681,866,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI CACH MSV 372445 KHOA K37 CHUYEN TIEN HOC PHI KY CUOI~NC:NGUYEN THI PHONG - Nguoi chuyen: NGUYEN THI PHONG             | 001CTD1161120394 |  | 1,800,000.00  | 4,683,666,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | BUI DUC TIEN MSV 361645 LOP 3616 NOP TIEN HOC PHI KY II NAM HOC 2015_2016                                                        | 124NT01161120024 |  | 540,000.00    | 4,684,206,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN VAN ANH MSSV: 391360 NTHP                                                                                                 | 120NT01161120107 |  | 4,140,000.00  | 4,688,346,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DO THI THUY MSSV: 391149 NTHP                                                                                                    | 120NT01161120109 |  | 3,420,000.00  | 4,691,766,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU THI LIEU MSSV: 390343 NTHP                                                                                                    | 120NT01161120110 |  | 2,880,000.00  | 4,694,646,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI BAO NGOC MSSV: 391327                                                                                                 | 120NT01161120112 |  | 3,240,000.00  | 4,697,886,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | SV NGUYEN THI QUYNH MSSV372317 NT HOC PHI KI II NAM HOC 2015 2016 HE DAI HOC CHINH QUY ~NC:0984854401 - Nguoi chuyen: 0984854401 | 001CTD1161120451 |  | 1,800,000.00  | 4,699,686,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LAU A TUA 371314~NC:LAU A TUA - Nguoi chuyen: LAU A TUA                                                                          | 001CTD1161120484 |  | 3,780,000.00  | 4,703,466,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DANG DINH NGOC- DONG HOC PHI KY 2 NAM 2015 - 2016 MA SO SV: 372523~NC:DANG DINH NGOC - Nguoi chuyen: DANG DINH NGOC              | 001CTD1161120486 |  | 1,800,000.00  | 4,705,266,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | Khong Thi Phuong Thao 370743~NC:KHONG THI MAI LINH - Nguoi chuyen: KHONG THI MAI LINH                                            | 001CTD1161120513 |  | 1,440,000.00  | 4,706,706,469.00 |



|            |            |                                                                                               |                  |  |               |                  |
|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|---------------|------------------|
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGO THI NHA NT HOC PHI KY 2-2015/2016-MSSV:380721~N C:NGO THI NHA - Người chuyên: NGO THI NHA | 001CTD1161120514 |  | 3,960,000.00  | 4,710,666,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE THI YEN MSSV: 391325 NHP                                                                   | 120NT01161120113 |  | 3,240,000.00  | 4,713,906,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | MAC TRUONG GIANG MSSV: 380901 NTHP                                                            | 120NT01161120114 |  | 3,600,000.00  | 4,717,506,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NONG MAI HUONG MSSV: 391205 NTHP                                                              | 120NT01161120115 |  | 3,060,000.00  | 4,720,566,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE BAO LINH MSSV: 390562 NTHP                                                                 | 120NT01161120116 |  | 2,520,000.00  | 4,723,086,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU CAO HUY MSSV: 380937 NTHP                                                                  | 120NT01161120117 |  | 3,600,000.00  | 4,726,686,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGO THI TU ANH MSV 372448 NT                                                                  | 120NT01161120118 |  | 1,800,000.00  | 4,728,486,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU HUY HOANG MSSV 391860 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)                                        | 103NT01161120040 |  | 2,520,000.00  | 4,731,006,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI DIU MSSV: 380510 NTHP                                                              | 120NT01161120119 |  | 3,240,000.00  | 4,734,246,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HO HA NHI MSV 392654 NT                                                                       | 120NT01161120120 |  | 2,160,000.00  | 4,736,406,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRUONG VAN ANH MSSV 380659 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)                                      | 103NT01161120041 |  | 4,140,000.00  | 4,740,546,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG VAN NGHIA MSSV: 381767 NTHP                                                             | 120NT01161120121 |  | 3,600,000.00  | 4,744,146,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DAO HUYEN TRANG MSV 381740 NT                                                                 | 120NT01161120122 |  | 3,600,000.00  | 4,747,746,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | CAM THU HANG MSSV: 390773 NTHP                                                                | 120NT01161120123 |  | 3,240,000.00  | 4,750,986,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | BUI ANH TUAN MSSV: 382509 NTHP                                                                | 120NT01161120125 |  | 3,240,000.00  | 4,754,226,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VI THI MO MSSV: 391554 NT                                                                     | 120NT01161120126 |  | 3,420,000.00  | 4,757,646,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE HOANG DANG MSV 381746 NT                                                                   | 120NT01161120127 |  | 3,420,000.00  | 4,761,066,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THUY DUNG MSV 390618 NT                                                            | 120NT01161120128 |  | 3,780,000.00  | 4,764,846,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | GIANG THI DUA MSV 380507 NT                                                                   | 120NT01161120129 |  | 3,420,000.00  | 4,768,266,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG THU TRANG MSV 382320 NT                                                                 | 120NT01161120130 |  | 2,700,000.00  | 4,770,966,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAN THI HANG MSV 382023 NT                                                                   | 120NT01161120131 |  | 3,420,000.00  | 4,774,386,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THUY TRANG MSV 380564 NT                                                               | 120NT01161120132 |  | 3,060,000.00  | 4,777,446,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | CHU BICH THUY - MSSV 392234 NOP HOC PHI KY 2                                                  | 002NP03161120001 |  | 3,600,000.00  | 4,781,046,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NONG THI TRUNG - MSSV 391139 NOP TIEN HOC PHI KY 2                                            | 002NP03161120002 |  | 3,240,000.00  | 4,784,286,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DANG THI THUY - MSSV 391138 NOP TEN HOC PHI KY 2                                              | 002NP03161120003 |  | 2,880,000.00  | 4,787,166,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE THI THANH PHUONG MSSV:391622 LOP 3916 NOP HP KY 2 N2016                                    | 105NT01161120015 |  | 3,600,000.00  | 4,790,766,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN SON VIET ANH MSV: 392371 LOP: 3923 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016        | 124NT01161120026 |  | 2,880,000.00  | 4,793,646,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU HUONG GIANG, MSSV: 393013                                                                  | 121NT01161120012 |  | 14,040,000.00 | 4,807,686,469.00 |

|            |            |                                                                                 |                  |  |              |                  |
|------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|--------------|------------------|
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN CAM TU MSSV:<br>381948 NOP HOC PHI KI II NAM<br>HOC 2015-2016            | 121NT01161120013 |  | 3,600,000.00 | 4,811,286,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | CAO THI TO NUONG, MSSV<br>390373                                                | 121NT01161120014 |  | 3,420,000.00 | 4,814,706,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN THI HOA MSSV 392614<br>NOP HOC PHI KY II (2015-2016)                       | 103NT01161120043 |  | 2,160,000.00 | 4,816,866,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN QUYNH TRANG<br>MSSV 392619 NOP HOC PHI<br>KY II (2015-2016)              | 103NT01161120044 |  | 2,160,000.00 | 4,819,026,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI MY HANH MSSV<br>392105 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)              | 103NT01161120045 |  | 2,700,000.00 | 4,821,726,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI NHUNG MSSV<br>371567 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                | 103NT01161120046 |  | 1,620,000.00 | 4,823,346,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN THAO UYEN MSSV<br>372730 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                  | 103NT01161120047 |  | 1,800,000.00 | 4,825,146,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN HOANG MINH MSSV<br>392839 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)               | 103NT01161120050 |  | 2,160,000.00 | 4,827,306,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI LAN MA SO SV<br>382545                                               | 190NT02161120001 |  | 6,450,000.00 | 4,833,756,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DAO THI DUNG MSSV 393156<br>NOP HOC PHI KY II (2015-2016)                       | 103NT01161120051 |  | 3,240,000.00 | 4,836,996,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRIEU THI HUYEN MSSV<br>392303 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                 | 103NT01161120052 |  | 2,160,000.00 | 4,839,156,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN PHUONG THAO<br>MSSV 392308 NOP HOC PHI<br>KY II (2015-2016)              | 103NT01161120053 |  | 2,880,000.00 | 4,842,036,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU THI NGOC HUYEN MSSV<br>393103 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)               | 103NT01161120054 |  | 5,580,000.00 | 4,847,616,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THANH TAM<br>MSSV 392159 NOP HOC PHI<br>KY II (2015-2016)            | 103NT01161120055 |  | 3,240,000.00 | 4,850,856,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | BUI THI HUE-MSV 391925 LOP<br>3919 HOC KY 2 NAM HOC<br>2015-2016                | 122NT01161120013 |  | 3,600,000.00 | 4,854,456,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DAO DUC THINH MSSV 391072                                                       | 120NT01161120134 |  | 2,880,000.00 | 4,857,336,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TANG THI HAI ANH MSV<br>391916 LOP 3919 NOP TIEN<br>HOC PHI HK II NAM 2015_2016 | 124NT01161120027 |  | 3,240,000.00 | 4,860,576,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN HOANG ANH MSSV<br>372663                                                 | 120NT01161120135 |  | 1,800,000.00 | 4,862,376,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI HUE MSSV<br>381208                                                   | 120NT01161120137 |  | 3,420,000.00 | 4,865,796,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN THI PHUONG MSSV<br>372031                                                  | 120NT01161120138 |  | 3,060,000.00 | 4,868,856,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI MINH NGUYET<br>MSSV 391721                                           | 120NT01161120139 |  | 3,420,000.00 | 4,872,276,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN HUONG GIANG MSSV<br>382142                                                 | 120NT01161120140 |  | 3,240,000.00 | 4,875,516,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | CAO THI HONG LIEN MSSV<br>390436                                                | 120NT01161120141 |  | 3,060,000.00 | 4,878,576,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM VAN NGOC MSV 380629<br>NOP TIEN HOC PHI KY 2 NAM<br>HOC 2015-2016          | 002NT01161120010 |  | 3,600,000.00 | 4,882,176,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM THI PHUONG TRINH<br>MSSV 391814 NOP TIEN HOC<br>PHI                        | 120NT01161120142 |  | 4,320,000.00 | 4,886,496,469.00 |

|            |            |                                                                                                                                             |                  |  |              |                  |
|------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|--------------|------------------|
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN HOAI THU MSSV<br>391808 NOP TIEN HOC PHI                                                                                             | 120NT01161120143 |  | 3,600,000.00 | 4,890,096,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DO THI HUONG MSSV 381025                                                                                                                    | 120NT01161120144 |  | 3,420,000.00 | 4,893,516,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI HUONG MSSV<br>371426 NOP TIEN HOC PHI                                                                                            | 120NT01161120145 |  | 1,440,000.00 | 4,894,956,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NONG THI LIEN MSSV 390431<br>NOP TIEN HOC PHI                                                                                               | 120NT01161120146 |  | 2,880,000.00 | 4,897,836,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOC PHI KI 2 LE HUONG TRA<br>MSSV 391362                                                                                                    | 120NT01161120147 |  | 2,700,000.00 | 4,900,536,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THU QUYNH MSSV<br>390354                                                                                                             | 120NT01161120148 |  | 2,880,000.00 | 4,903,416,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI TAM MSSV<br>380961 NOP TIEN HOC PHI                                                                                              | 120NT01161120149 |  | 3,780,000.00 | 4,907,196,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THANH THANH<br>HIEN MSSV 393142 NOP TIEN<br>HOC PHI                                                                              | 120NT01161120150 |  | 3,240,000.00 | 4,910,436,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | BUI THI THANG MSSV 381112                                                                                                                   | 120NT01161120151 |  | 3,420,000.00 | 4,913,856,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LUONG THI KIEU TRANG MSSV<br>390367 NOP TIEN HOC PHI                                                                                        | 120NT01161120152 |  | 2,880,000.00 | 4,916,736,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI NGOC ANH MSSV<br>382660                                                                                                          | 120NT01161120153 |  | 7,740,000.00 | 4,924,476,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DINH THI HONG THANH MSSV<br>382502                                                                                                          | 120NT01161120154 |  | 3,240,000.00 | 4,927,716,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LUU THI HUE PHUONG MSSV<br>382511                                                                                                           | 120NT01161120155 |  | 2,700,000.00 | 4,930,416,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | Luong Thi anh Loan<br>MSSV:380718 nop hoc phi ki II<br>nam hoac<br>2015-2016~NC:Luong Thi anh<br>Loan - Nguoi chuyen: Luong<br>Thi anh Loan | 001CTD1161120555 |  | 3,240,000.00 | 4,933,656,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN XUAN ANH MSSV<br>380440 NOP TIEN HOC PHI                                                                                             | 120NT01161120156 |  | 3,600,000.00 | 4,937,256,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGO CAM TU MSSV 382669<br>KHOA 38 KT THANH TOAN<br>TIEN HOC PHI                                                                             | 120NT01161120157 |  | 2,700,000.00 | 4,939,956,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN THU THUY NOP HOC PHI<br>KI II MSSV 390860                                                                                              | 120NT01161120158 |  | 2,520,000.00 | 4,942,476,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DUONG THI HUONG MSSV<br>381332                                                                                                              | 120NT01161120159 |  | 3,240,000.00 | 4,945,716,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | BUI THI THAO 370817                                                                                                                         | 120NT01161120160 |  | 1,620,000.00 | 4,947,336,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM THI THANH TAM 371716                                                                                                                   | 120NT01161120161 |  | 1,620,000.00 | 4,948,956,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THUY HA MSV<br>391157 NOP TIEN HOC PHI                                                                                           | 120NT01161120162 |  | 3,060,000.00 | 4,952,016,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI NGOC MSSV<br>380934 LOP 3809 KHOA 38 NT<br>HK2 NAM HOC 2015-2016                                                                 | 105NT01161120016 |  | 3,600,000.00 | 4,955,616,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HA THI TUYET MAI MSSV<br>390840                                                                                                             | 120NT01161120163 |  | 2,880,000.00 | 4,958,496,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU CAO TIEN MSSV 372033                                                                                                                     | 120NT01161120164 |  | 1,260,000.00 | 4,959,756,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE QUYNH ANH MSSV 371038<br>NOP TIEN HOC PHI                                                                                                | 120NT01161120165 |  | 1,260,000.00 | 4,961,016,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DO THI THANH MSV 370551<br>LOP 3705 NOP TIEN HOC PHI<br>HK II NAM 2015_2016                                                                 | 124NT01161120029 |  | 1,620,000.00 | 4,962,636,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN LAN HUONG MSV<br>391739 NT                                                                                                           | 120NT01161120166 |  | 2,880,000.00 | 4,965,516,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI YEN MSV 392802<br>NT                                                                                                             | 120NT01161120167 |  | 2,880,000.00 | 4,968,396,469.00 |
|            |            |                                                                                                                                             |                  |  |              |                  |

|            |            |                                                                       |                  |  |              |                  |
|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------|--|--------------|------------------|
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG THI LUONG MSV 382425 NT                                         | 120NT01161120168 |  | 2,700,000.00 | 4,971,096,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE THI MY LINH MSV 390313 NT                                          | 120NT01161120169 |  | 3,240,000.00 | 4,974,336,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG THI NGOC ANH MSV 391930 NT                                      | 120NT01161120170 |  | 3,420,000.00 | 4,977,756,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN MINH TRANG MSSV 392835 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)           | 103NT01161120056 |  | 2,160,000.00 | 4,979,916,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | CA LAM OANH MSV 390311 NT HP                                          | 120NT01161120171 |  | 3,240,000.00 | 4,983,156,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THUY DUNG - MSSV 380108 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)      | 103NT01161120057 |  | 3,600,000.00 | 4,986,756,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DINH NGOC ANH MSV 380114 NT HP                                        | 120NT01161120172 |  | 3,060,000.00 | 4,989,816,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM THI THANH NHU MSV 372446 NT HP KY 2 N 2015-2016                  | 120NT01161120173 |  | 1,800,000.00 | 4,991,616,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LY THI XUAN NT HP MSV 371245                                          | 120NT01161120174 |  | 1,800,000.00 | 4,993,416,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM THI HOAI THUONG- MSSV 380343 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)       | 103NT01161120058 |  | 3,600,000.00 | 4,997,016,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TONG VAN TAI MSV 371306 NT HP                                         | 120NT01161120175 |  | 1,080,000.00 | 4,998,096,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRIEU THI HUYEN MSV 381666 NT HP                                      | 120NT01161120176 |  | 3,600,000.00 | 5,001,696,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | BUI THI NGOC - MSSV 370603 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)              | 103NT01161120059 |  | 900,000.00   | 5,002,596,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAN THI HUYEN MSV 390109 NT HP                                       | 120NT01161120177 |  | 3,240,000.00 | 5,005,836,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DO THI YEN - MSSV 380323 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)                | 103NT01161120060 |  | 3,780,000.00 | 5,009,616,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI SANG - MSSV 360650 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)           | 103NT01161120061 |  | 720,000.00   | 5,010,336,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DAO TRA MY MSV 382302 NT HP                                           | 120NT01161120178 |  | 2,700,000.00 | 5,013,036,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LA THI HUE MSV 380810 NT HP                                           | 120NT01161120179 |  | 2,880,000.00 | 5,015,916,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU MINH DUONG MSV 380734 NT HP                                        | 120NT01161120180 |  | 3,600,000.00 | 5,019,516,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU NGOC TRANG MSV 390513 NT HP                                        | 120NT01161120181 |  | 2,520,000.00 | 5,022,036,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE KHANH HUYEN MSV 391964 NT                                          | 120NT01161120182 |  | 2,520,000.00 | 5,024,556,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN PHUONG MAI MSV 390514 NT HP                                      | 120NT01161120183 |  | 3,240,000.00 | 5,027,796,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU THI NGUYET MSSV 371354 LOP 3713 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016 | 124NT01161120031 |  | 2,340,000.00 | 5,030,136,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG THI THUY LINH MSSV 371958 NOP HP                                | 120NT01161120184 |  | 1,440,000.00 | 5,031,576,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN CONG THIEN MSSV 380534                                         | 120NT01161120185 |  | 3,420,000.00 | 5,034,996,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI MINH CHAU MSSV 381836                                      | 120NT01161120186 |  | 3,420,000.00 | 5,038,416,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU THI THANH HUONG MSSV 381826                                        | 120NT01161120187 |  | 4,140,000.00 | 5,042,556,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DAO THI THU HA MSSV 381832                                            | 120NT01161120188 |  | 3,600,000.00 | 5,046,156,469.00 |

|            |            |                                                                                  |                  |  |              |                  |
|------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|--------------|------------------|
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | MAI DIEU LINH, MSV: 370260, LOP 3702, KHOA 37 NOP HOC PHI KI 2 NAM HOC 2015-2016 | 121NT01161120017 |  | 1,800,000.00 | 5,047,956,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM THI LY MSSV 391121                                                          | 120NT01161120189 |  | 3,240,000.00 | 5,051,196,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | BUI CONG DUNG MSSV 380318                                                        | 120NT01161120190 |  | 3,420,000.00 | 5,054,616,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HA THI MEN MSSV 390760                                                           | 120NT01161120191 |  | 2,880,000.00 | 5,057,496,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DINH THI THU HOA MSSV 371305                                                     | 120NT01161120192 |  | 1,260,000.00 | 5,058,756,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG MY LINH MSSV: 390417 NTHP                                                  | 120NT01161120193 |  | 2,880,000.00 | 5,061,636,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM THI GIANG MSSV: 371247 NTHP                                                 | 120NT01161120194 |  | 1,080,000.00 | 5,062,716,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN HUONG GIANG MSV: 391264 NTHP                                              | 120NT01161120195 |  | 3,060,000.00 | 5,065,776,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DINH ANH TUAN MSSV 372662 NOP HP                                                 | 120NT01161120196 |  | 1,800,000.00 | 5,067,576,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN VAN HOANG MSSV 372058                                                       | 120NT01161120197 |  | 4,320,000.00 | 5,071,896,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN TRI THIEN MSSV 390719                                                     | 120NT01161120198 |  | 2,880,000.00 | 5,074,776,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRINH MINH DUYEN MSSV 370253                                                     | 120NT01161120199 |  | 2,340,000.00 | 5,077,116,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THUY MSSV 370505 NT HP                                                | 120NT01161120200 |  | 1,450,000.00 | 5,078,566,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DANG THI LAN ANH MSSV: 391266 NTHP                                               | 120NT01161120201 |  | 3,420,000.00 | 5,081,986,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN NGOC SON MSSV 390363 NT HP                                                | 120NT01161120202 |  | 3,240,000.00 | 5,085,226,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THE TUNG MSSV: 381368 NTHP                                                | 120NT01161120203 |  | 3,960,000.00 | 5,089,186,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DAO NGOC SON MSSV: 381206 NTHP                                                   | 120NT01161120204 |  | 3,420,000.00 | 5,092,606,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI HUONG MSSV: 390833 NTHP                                               | 120NT01161120205 |  | 2,880,000.00 | 5,095,486,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE THI THAO TRANG MSSV: 391332                                                   | 120NT01161120206 |  | 3,240,000.00 | 5,098,726,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG THI TRANG MSSV 390520 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)                        | 103NT01161120062 |  | 2,520,000.00 | 5,101,246,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI HONG VIET CHUYEN TIEN HOC PHI KI 2 NAM 2 17 TIN CHI: MA SO SV: 391065 | 113NT01161120008 |  | 3,060,000.00 | 5,104,306,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THAO PHUONG MSSV: 381952 NTHP                                         | 120NT01161120207 |  | 3,600,000.00 | 5,107,906,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN VAN LUAT MSSV 371964 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)                          | 103NT01161120063 |  | 1,440,000.00 | 5,109,346,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | BUI KHANH LINH MSV 400472 NT HP                                                  | 120NT01161120208 |  | 4,500,000.00 | 5,113,846,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN THI MINH ANH MSV 391155 NT HP                                               | 120NT01161120209 |  | 2,880,000.00 | 5,116,726,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI HUONG MSV 370354 NT HP                                                | 120NT01161120210 |  | 1,620,000.00 | 5,118,346,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | CAO THI THU THAO MSV 392809 NT HP                                                | 120NT01161120211 |  | 2,160,000.00 | 5,120,506,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE THI HONG NHUNG MSSV: 392803 NTHP                                              | 120NT01161120212 |  | 2,880,000.00 | 5,123,386,469.00 |
|            |            |                                                                                  |                  |  |              |                  |

|            |            |                                                                                               |                  |  |              |                  |
|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|--------------|------------------|
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HA NGUYET MAI MSSV:<br>390517 NTHP                                                            | 120NT01161120213 |  | 2,880,000.00 | 5,126,266,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THU THAO MSSV:<br>392806 NTHP                                                          | 120NT01161120214 |  | 2,880,000.00 | 5,129,146,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN HOANG KIEU TRANG<br>MSV 381757 NT                                                      | 120NT01161120215 |  | 3,240,000.00 | 5,132,386,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | GIANG THUY DUNG MSSV:<br>391954                                                               | 120NT01161120216 |  | 3,600,000.00 | 5,135,986,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THU UYEN NOP HP<br>KY 1 KHOA LUAT TMQT LOP<br>3930 MSV 393037                          | 120NT01161120217 |  | 3,060,000.00 | 5,139,046,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HA THI THUY MSSV 380361                                                                       | 120NT01161120218 |  | 3,420,000.00 | 5,142,466,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG THI HUYEN MSV<br>382528 NT HP                                                           | 120NT01161120219 |  | 2,700,000.00 | 5,145,166,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | BUI THI VAN MSSV 380362                                                                       | 120NT01161120220 |  | 3,420,000.00 | 5,148,586,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG DUC MANH MSSV<br>390929                                                                 | 120NT01161120221 |  | 2,880,000.00 | 5,151,466,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN MANH HUNG MSSV<br>392129                                                               | 120NT01161120222 |  | 3,060,000.00 | 5,154,526,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN MAI LINH MSSV<br>372709                                                                | 120NT01161120223 |  | 1,800,000.00 | 5,156,326,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM THU HIEN MSSV 380223                                                                     | 120NT01161120224 |  | 3,240,000.00 | 5,159,566,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU VAN MY MSSV 391544                                                                         | 120NT01161120225 |  | 3,600,000.00 | 5,163,166,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | SAM THI CHANH MSSV 390437                                                                     | 120NT01161120226 |  | 3,600,000.00 | 5,166,766,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI KHANH LY MSSV<br>392740                                                            | 120NT01161120227 |  | 2,880,000.00 | 5,169,646,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DO THI PHUONG THAO MSV<br>371273 NT HOC PHI                                                   | 360NT02161120004 |  | 1,800,000.00 | 5,171,446,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN MINH NGUYET MSSV<br>391112                                                             | 120NT01161120228 |  | 3,420,000.00 | 5,174,866,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LU THI THAO LY MSSV 390754                                                                    | 120NT01161120229 |  | 2,880,000.00 | 5,177,746,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DAO THI NGOC DUNG MSSV<br>380247                                                              | 120NT01161120230 |  | 3,060,000.00 | 5,180,806,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAN THI MAI MSSV 391046                                                                      | 120NT01161120231 |  | 3,600,000.00 | 5,184,406,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN QUANG MINH MSSV<br>380437                                                              | 120NT01161120232 |  | 3,420,000.00 | 5,187,826,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THU TRANG<br>MSSV 382423 NT HP                                                     | 120NT01161120233 |  | 2,700,000.00 | 5,190,526,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DANG THUY ANH 372215                                                                          | 120NT01161120234 |  | 2,340,000.00 | 5,192,866,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG TUAN ANH MSSV<br>370146 KHOA 37 NOP TIEN<br>HOC PHI CHO TRUONG DAI<br>HOC LUAT HA NOI   | 100NT01161120018 |  | 540,000.00   | 5,193,406,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TONG THU HA MSSV 391113                                                                       | 120NT01161120235 |  | 2,880,000.00 | 5,196,286,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM VIET TRINH MSSV<br>381355 KHOA 38 LOP 13                                                 | 120NT01161120236 |  | 3,600,000.00 | 5,199,886,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM DUC MANH NT CHO<br>TRAN THI NGOC TRANG LOP<br>3929 MSV 392914 KHOA<br>THUONG MAI QUOC TE | 123NT01161120007 |  | 3,060,000.00 | 5,202,946,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DINH QUY THANH 372235                                                                         | 120NT01161120237 |  | 2,340,000.00 | 5,205,286,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LO THI NGAN MSSV: 391920<br>NTHP KY 2                                                         | 120NT01161120238 |  | 3,420,000.00 | 5,208,706,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE THU TRANG MSSV: 391368<br>NTHP                                                             | 120NT01161120239 |  | 2,700,000.00 | 5,211,406,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN CHI CONG 381643<br>NOP HOC PHI                                                         | 120NT01161120240 |  | 3,420,000.00 | 5,214,826,469.00 |
|            |            |                                                                                               |                  |  |              |                  |

|            |            |                                                                                                                                   |                  |  |              |                  |
|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|--------------|------------------|
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM THI DUYEN MSSV<br>382426                                                                                                     | 120NT01161120241 |  | 2,700,000.00 | 5,217,526,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI KIM TIEN<br>MSSV:382028 NTHP                                                                                           | 120NT01161120242 |  | 3,420,000.00 | 5,220,946,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG THI HOAI XOAN MSSV<br>372602                                                                                                | 120NT01161120243 |  | 1,800,000.00 | 5,222,746,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI TRAM 370220                                                                                                            | 120NT01161120244 |  | 2,350,000.00 | 5,225,096,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LY THI HOA MSSV: 381301<br>NTHP                                                                                                   | 120NT01161120245 |  | 3,600,000.00 | 5,228,696,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THAO TRANG<br>MSSV 372052                                                                                              | 120NT01161120246 |  | 1,260,000.00 | 5,229,956,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DAO THI HUONG MSSV:<br>391830 NTHP                                                                                                | 120NT01161120247 |  | 2,700,000.00 | 5,232,656,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI HONG KHANH<br>MSSV: 380739 NTHP                                                                                        | 120NT01161120249 |  | 2,700,000.00 | 5,235,356,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGO LE PHUONG MSSV<br>391348                                                                                                      | 120NT01161120250 |  | 3,420,000.00 | 5,238,776,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE THI KIEU LOAN MSSV<br>392620                                                                                                   | 120NT01161120251 |  | 2,880,000.00 | 5,241,656,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN PHUONG THAO<br>MSSV: 372561                                                                                                | 120NT01161120252 |  | 1,800,000.00 | 5,243,456,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DUONG MANH CUONG MSSV<br>382506                                                                                                   | 120NT01161120253 |  | 2,700,000.00 | 5,246,156,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN HO HOANG DIEP<br>MSSV: 382527 NTHP                                                                                         | 120NT01161120254 |  | 2,700,000.00 | 5,248,856,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG THI THU HA MSSV<br>392133 DONG HOC PHI                                                                                      | 120NT01161120255 |  | 3,420,000.00 | 5,252,276,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE THI HAU MSSV 391105 NT<br>HP                                                                                                   | 120NT01161120256 |  | 2,880,000.00 | 5,255,156,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM THI HIEN MSSV 381621                                                                                                         | 120NT01161120257 |  | 3,600,000.00 | 5,258,756,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | BUI PHAM CHI TRUNG MSSV<br>390227                                                                                                 | 120NT01161120258 |  | 3,600,000.00 | 5,262,356,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI HUE MSSV<br>392753                                                                                                     | 120NT01161120259 |  | 2,160,000.00 | 5,264,516,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN THI NGOC LINH NOP TIEN<br>HOC                                                                                                | 111NT01161120006 |  | 2,160,000.00 | 5,266,676,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN THI MINH CHAM MSSV<br>381443 NOP HP                                                                                          | 120NT01161120260 |  | 3,420,000.00 | 5,270,096,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE THI THAO MSSV 371039 NT<br>HP                                                                                                  | 120NT01161120261 |  | 540,000.00   | 5,270,636,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LUONG DINH THIEN MSSV<br>381717 NOP HP                                                                                            | 120NT01161120262 |  | 3,600,000.00 | 5,274,236,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | THAI THI PHUONG MSSV<br>381809                                                                                                    | 120NT01161120263 |  | 3,420,000.00 | 5,277,656,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM NGOC ANH MSV 392370                                                                                                          | 120NT01161120264 |  | 2,160,000.00 | 5,279,816,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM THANH GIANG MSSV<br>380947                                                                                                   | 120NT01161120265 |  | 3,420,000.00 | 5,283,236,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG HOANG ANH MSSV<br>390940                                                                                                    | 120NT01161120266 |  | 3,240,000.00 | 5,286,476,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI HUONG MSSV<br>371734                                                                                                   | 120NT01161120267 |  | 2,160,000.00 | 5,288,636,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HUYNH THANH SON MSSV<br>392867 NOP HOC PHI KY 2<br>NAM 2016.~NC:HUYNH THANH<br>SON - Nguoi chuyen: HUYNH<br>THANH SON             | 001CTD1161120612 |  | 5,160,000.00 | 5,293,796,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THANH LONG- MSSV<br>370866 LOP 3708 KHOA PLHS<br>DONG HOC PHI~NC:NGUYEN<br>THANH LONG - Nguoi chuyen:<br>NGUYEN THANH LONG | 001CTD1161120618 |  | 2,160,000.00 | 5,295,956,469.00 |

|            |            |                                                                                                                                    |                  |  |               |                  |
|------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|---------------|------------------|
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI NHUNG MSSV<br>371268 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                                                                   | 103NT01161120064 |  | 2,700,000.00  | 5,298,656,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG THI NGA MSSV<br>372720 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                                                                      | 103NT01161120065 |  | 1,800,000.00  | 5,300,456,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THU MSSV<br>372865 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                                                                     | 103NT01161120066 |  | 1,800,000.00  | 5,302,256,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THUY NGA-MSV<br>390751 NOP HOC PHI KY 2<br>NAM 2016                                                                         | 430NT02161120002 |  | 14,040,000.00 | 5,316,296,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | BUI THUY HANG NOP TIEN<br>CHO HS: PHAM HOANG GIANG<br>MSSV : 390763 NOP TIEN HOC                                                   | 360NT02161120005 |  | 14,040,000.00 | 5,330,336,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DAM QUYNH HOA MSSV<br>372257 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                                                                      | 103NT01161120067 |  | 540,000.00    | 5,330,876,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN ANH NGOC MSSV:<br>391910 NOP TIEN HOC PHI CHO<br>TRUONG DH LUAT HA NOI                                                      | 101NT01161120011 |  | 2,880,000.00  | 5,333,756,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TO NHU MAY MSSV: 391101<br>NOP TIEN HOC PHI KI 2 NAM<br>HOC 2015-2016 CHO TRUONG<br>DH LUAT HA NOI                                 | 101NT01161120012 |  | 3,060,000.00  | 5,336,816,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG THI TRINH<br>MSSV:380708 LOP 3807 KHOA<br>38 NOP HOC PHI KY II NAM<br>2015-2016                                              | 101NT01161120013 |  | 3,420,000.00  | 5,340,236,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN KIM HUE MSSV<br>392309 NOP HOC PHI KI II<br>(2015-2016)                                                                     | 103NT01161120068 |  | 2,880,000.00  | 5,343,116,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG MAI ANH MSV:382461<br>NOP HOC PHI                                                                                            | 101NT01161120014 |  | 3,780,000.00  | 5,346,896,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM THI ANH MSV 391962 NT<br>HP                                                                                                   | 120NT01161120268 |  | 3,240,000.00  | 5,350,136,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DAO THI HONG NHUNG MSV<br>381942 NT HP                                                                                             | 120NT01161120269 |  | 3,600,000.00  | 5,353,736,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE THI THANH TUNG MSV<br>392312 NT HP                                                                                              | 120NT01161120270 |  | 2,160,000.00  | 5,355,896,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRIEU THI VINH 380711                                                                                                              | 120NT01161120271 |  | 3,600,000.00  | 5,359,496,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TONG THI LINH MSSV 391540<br>NOP HOC PHI KI II (2015-2016)                                                                         | 103NT01161120069 |  | 3,240,000.00  | 5,362,736,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TC:DA4500186.DO GIA LONG -<br>MSV: 390947- NOP HOC PHI -<br>TRUONG DH LUAT HA<br>NOI~NC:DO GIA LONG - Nguoi<br>chuyen: DO GIA LONG | 001CTD1161120673 |  | 14,040,000.00 | 5,376,776,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | BUI THI MINH PHUONG NT HOC<br>PHI KI II NAM<br>2015-2016-MSSV:392428                                                               | 102NT01161120011 |  | 2,160,000.00  | 5,378,936,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN VU VAN ANH LOP 15<br>MSV:391553 NT HOC PHI HOC<br>KI 2 TRUONG DH LUAT HN                                                    | 102NT01161120012 |  | 3,240,000.00  | 5,382,176,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HO THI THAI THUY MA SV<br>371876 NOP TIEN HOC PHI HOC<br>KI II NAM HOC 2015-2016                                                   | 120NT01161120272 |  | 2,520,000.00  | 5,384,696,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN DUY PHUONG MSV<br>381467 NT HP                                                                                              | 120NT01161120273 |  | 3,600,000.00  | 5,388,296,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THU HIEN MSV<br>391958 NT HP                                                                                            | 120NT01161120274 |  | 4,860,000.00  | 5,393,156,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | QUACH THI DUNG MSV 392215<br>NT HP                                                                                                 | 120NT01161120275 |  | 2,520,000.00  | 5,395,676,469.00 |



|            |            |                                                                                                                             |                  |  |               |                  |
|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|---------------|------------------|
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | SINH VIEN :NGUYEN THI LAN<br>-MSSV 391405 HOC KY II NAM<br>2015-2016~NC:NGUYEN THI<br>LAN - Nguoi chuyen: NGUYEN<br>THI LAN | 001CTD1161120745 |  | 3,420,000.00  | 5,399,096,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HO THANH HOAI MSSV<br>392302 NOP HOC PHI KI II<br>(2015-2016)                                                               | 103NT01161120071 |  | 2,880,000.00  | 5,401,976,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU THANH HUONG MSSV:<br>391347 NTHP                                                                                         | 120NT01161120276 |  | 3,420,000.00  | 5,405,396,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM MINH QUY MSSV:<br>390503 NTHP                                                                                          | 120NT01161120277 |  | 3,240,000.00  | 5,408,636,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOANG THI NGA MSSV:<br>370759                                                                                               | 120NT01161120278 |  | 900,000.00    | 5,409,536,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN DIU HA MSSV 392306<br>NOP HOC PHI KI II (2015-2016)                                                                  | 103NT01161120072 |  | 2,160,000.00  | 5,411,696,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NONG THI KIM OANH MSSV:<br>382735 NTHP                                                                                      | 120NT01161120279 |  | 2,700,000.00  | 5,414,396,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN HONG DIEP MSO SV<br>391247 NOP HOC PHI HOC KY<br>II (2015-2016)                                                      | 103NT01161120073 |  | 3,600,000.00  | 5,417,996,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | MA SEO KI NTHP KY 2,<br>2015-2016 MSSV: 390239                                                                              | 120NT01161120280 |  | 2,880,000.00  | 5,420,876,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE TRA MY - MSSV 371459<br>NOP HOC PHI KI II (2015-2016)                                                                    | 103NT01161120074 |  | 1,260,000.00  | 5,422,136,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN QUYNH PHUONG<br>MSV: 372721                                                                                          | 120NT01161120281 |  | 1,800,000.00  | 5,423,936,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DUONG THI HANH MSSV<br>392153 NOP HOC PHI KI II<br>(2015-2016)                                                              | 103NT01161120075 |  | 2,880,000.00  | 5,426,816,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HUYNH THI HUE MSSV: 381308<br>NTHP                                                                                          | 120NT01161120282 |  | 3,600,000.00  | 5,430,416,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | BUI THI KHANH HANG MSSV:<br>390558                                                                                          | 120NT01161120283 |  | 3,420,000.00  | 5,433,836,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DONG HOC PHI CHO LE<br>QUYNH<br>TRANG,MSSV:393041,LOP:CL<br>C<br>39B2,CMT:201698812,NC:28/0<br>3/2013,NC:CATP.DA NANG       | 410NT02161120004 |  | 14,040,000.00 | 5,447,876,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI MAI MSSV:<br>391709                                                                                              | 120NT01161120284 |  | 3,240,000.00  | 5,451,116,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DONG THI HA MY MSSV:<br>392115 NTHP                                                                                         | 120NT01161120285 |  | 2,520,000.00  | 5,453,636,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DINH THI THU MSV 391720                                                                                                     | 120NT01161120286 |  | 3,600,000.00  | 5,457,236,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN MANH HA MSV<br>382757 NT HP                                                                                          | 120NT01161120287 |  | 6,450,000.00  | 5,463,686,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGO THANH GIANG NOP TIEN<br>HOC KY 2 2015-2016 MSSV<br>392763 KHOA 39 CHO<br>TRUONG DAI HOC LUAT HA<br>NOI                  | 100NT01161120021 |  | 2,160,000.00  | 5,465,846,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRINH THI HANG NGA- MSSV<br>371367 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                                                         | 103NT01161120077 |  | 900,000.00    | 5,466,746,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE ANH VIET MSSV 381556<br>NOP HOC PHI HOC KY II<br>(2015-2016)                                                             | 103NT01161120078 |  | 3,060,000.00  | 5,469,806,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | GIAN THI HA HUYEN MSSV<br>370147 NOP HCO PHI KI II<br>(2015-2016)                                                           | 103NT01161120079 |  | 2,160,000.00  | 5,471,966,469.00 |
|            |            |                                                                                                                             |                  |  |               |                  |

|            |            |                                                                                              |                  |  |               |                  |
|------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|---------------|------------------|
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU TUYET TRINH MSSV<br>371371 NOP HOC PHI KI II<br>(2015-2016)                               | 103NT01161120080 |  | 1,620,000.00  | 5,473,586,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI NGOC ANH MSSV<br>371149 NOP HOC PHI HOC KY<br>II (2015-2016)                      | 103NT01161120082 |  | 1,980,000.00  | 5,475,566,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THI THUY DUONG<br>MSSV 391271 NOP HOC PHI KI<br>II (2015-2016)                        | 103NT01161120083 |  | 3,960,000.00  | 5,479,526,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HA THI HUONG TRANG MSSV<br>391905 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                           | 103NT01161120084 |  | 2,880,000.00  | 5,482,406,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DINH THI HAO MSSV 391907<br>NOP HOC PHI KY II (2015-2016)                                    | 103NT01161120086 |  | 2,520,000.00  | 5,484,926,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE THI VUI MSSV 370917 NOP<br>HOC PHI KY II (2015-2016)                                      | 103NT01161120087 |  | 2,880,000.00  | 5,487,806,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN THI HAI PHUONG MSSV<br>370317 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                          | 103NT01161120089 |  | 1,440,000.00  | 5,489,246,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM TRAN PHAN MSSV<br>392722 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                               | 103NT01161120090 |  | 2,160,000.00  | 5,491,406,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE THI QUYEN MSSV 382816<br>NOP HOC PHI KY II (2015-2016)                                    | 103NT01161120091 |  | 2,700,000.00  | 5,494,106,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NOP TIEN HOC PHI NGUYEN<br>HONG CHAM MSSV: 390766<br>LOP CLC39A1 KHOA LUAT<br>CHAT LUONG CAO | 113NT01161120011 |  | 14,040,000.00 | 5,508,146,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THU TRANG MSSV<br>392512 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                             | 103NT01161120092 |  | 2,160,000.00  | 5,510,306,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN VAN BA MSSV 390957<br>NOP HOC PHI KY II (2015-2016)                                     | 103NT01161120093 |  | 3,060,000.00  | 5,513,366,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | PHAM THU HANG MSSV<br>382317 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                                | 103NT01161120094 |  | 3,240,000.00  | 5,516,606,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | HOC PHI KY II NAM HOC<br>2015-2016 DUONG THI DUC<br>MSSV: 392207                             | 101NT01161120015 |  | 3,240,000.00  | 5,519,846,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | KHUAT THI HUONG MSSV<br>371130 NOP HOC PHI KY II<br>(2015-2016)                              | 103NT01161120095 |  | 540,000.00    | 5,520,386,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THU HUYEN 362527                                                                      | 002NP03161120004 |  | 1,280,000.00  | 5,521,666,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN DUY NHAT MSSV<br>380640                                                               | 120NT01161120289 |  | 3,960,000.00  | 5,525,626,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LU THI LAN MSSV 390806 NT<br>HP                                                              | 120NT01161120290 |  | 3,420,000.00  | 5,529,046,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE THI HONG AN MSSV 390803<br>NT HP                                                          | 120NT01161120291 |  | 2,520,000.00  | 5,531,566,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | VU THI Y LAN MSSV 392818                                                                     | 120NT01161120292 |  | 2,160,000.00  | 5,533,726,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | LE HA PHUONG MSSV 390420                                                                     | 120NT01161120293 |  | 3,060,000.00  | 5,536,786,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | CHU THI PHONG MSSV 392807                                                                    | 120NT01161120294 |  | 2,880,000.00  | 5,539,666,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | NGUYEN THUY TIEN MSSV<br>392804 NT HP                                                        | 120NT01161120295 |  | 2,880,000.00  | 5,542,546,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TA THI THU TRA MSSV 392810<br>NT HP                                                          | 120NT01161120296 |  | 2,880,000.00  | 5,545,426,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN TUYET NHU MSSV<br>390953                                                                | 120NP03161120001 |  | 2,880,000.00  | 5,548,306,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | TRAN THI KIM PHUONG MSSV<br>372026                                                           | 120NT01161120297 |  | 1,800,000.00  | 5,550,106,469.00 |
| 21/04/2016 | 21/04/2016 | DAO NGOC ANH MSSV 372006                                                                     | 120NT01161120298 |  | 900,000.00    | 5,551,006,469.00 |

|                                         |            |                                                                                                     |                  |  |                         |                         |
|-----------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|-------------------------|-------------------------|
| 21/04/2016                              | 21/04/2016 | NGUYEN NGOC KHANH LINH<br>MSSV 391060                                                               | 120NT01161120299 |  | 2,880,000.00            | 5,553,886,469.00        |
| 21/04/2016                              | 21/04/2016 | BUI MINH TUNG MSSV 380142                                                                           | 120NT01161120300 |  | 3,420,000.00            | 5,557,306,469.00        |
| 21/04/2016                              | 21/04/2016 | NGUYEN THI PHUONG MSSV<br>392651                                                                    | 120NT01161120301 |  | 2,160,000.00            | 5,559,466,469.00        |
| 21/04/2016                              | 21/04/2016 | LY QUYNH HOA MSSV 390451                                                                            | 120NT01161120302 |  | 3,420,000.00            | 5,562,886,469.00        |
| 21/04/2016                              | 21/04/2016 | NGUYEN HANH<br>TRINH-MSSV:390253-LOP 39A<br>DONG TIEN HOC PHI HOC KI 2<br>NAM 2 SO TIEN 14.040.000D | 105NT01161120029 |  | 14,040,000.00           | 5,576,926,469.00        |
| 21/04/2016                              | 21/04/2016 | LE THI MAI LINH -392231 NT<br>HOC PHI KY II NAM HOC<br>2015-2016. SO TIEN: 3.600.000                | 105NT01161120030 |  | 3,600,000.00            | 5,580,526,469.00        |
| 21/04/2016                              | 21/04/2016 | TRAN THI VIET NGA MSSV<br>372436 NT HP                                                              | 105NT01161120032 |  | 1,800,000.00            | 5,582,326,469.00        |
| 21/04/2016                              | 21/04/2016 | NGO KIEU TRANG, MSV:<br>390159, HE CHINH QUY                                                        | 280NT02161120001 |  | 2,520,000.00            | 5,584,846,469.00        |
| Cộng doanh số<br>Total                  |            |                                                                                                     |                  |  | <b>1,446,155,000.00</b> |                         |
| <b>Số dư cuối kỳ<br/>Ending Balance</b> |            |                                                                                                     |                  |  |                         | <b>5,584,846,469.00</b> |

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bằng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bằng sao kê.  
 Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát

Sao kê chi tiết từ **21/04/2016** đến **21/04/2016**

From date To date

Mã khách hàng : **99999881** Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : **VND**

Currency

Tên tài khoản : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI-TGTT VND**

Account Name

Số tài khoản : **999998819999** Số cũ: 41201200034697040106

Account Number

Tên khách hàng : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI**

Customer Name

Địa chỉ : **SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI**

Address

Ngày in : **22/04/2016**

Printing date

| Ngày giao dịch<br><i>Txn. date</i>      | Ngày hiệu lực<br><i>Value date</i> | Nội dung giao dịch<br><i>Description</i>          | Số giao dịch<br><i>Txn. No</i> | Ghi nợ<br><i>Debit</i> | Ghi có<br><i>Credit</i> | Số dư<br><i>Balance</i> |
|-----------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>Số dư đầu kỳ<br/>Opening Balance</b> |                                    |                                                   |                                |                        |                         | <b>1,429,450,803.00</b> |
| 21/04/2016                              | 21/04/2016                         | VU THI MAI PHUONG MSSV<br>391919 NOP TIEN HOC PHI | 200NT02161120002               |                        | 3,420,000.00            | 1,432,870,803.00        |
| Cộng doanh số<br>Total                  |                                    |                                                   |                                |                        | <b>3,420,000.00</b>     |                         |
| <b>Số dư cuối kỳ<br/>Ending Balance</b> |                                    |                                                   |                                |                        |                         | <b>1,432,870,803.00</b> |

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bằng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bằng sao kê.

Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát